

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tài liệu

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH THCS

MÔN MĨ THUẬT

**(Dùng cho các cơ quan quản lý giáo dục và giáo viên,
áp dụng từ năm học 2009-2010)**

A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KHUNG PPCT TRÌNH CẤP THCS

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Khung phân phối chương trình (KPPCT) này áp dụng cho cấp THCS từ năm học 2009-2010, gồm 2 phần: (A) Hướng dẫn sử dụng KPPCT; (B) Khung PPCT (*một số phần có sự điều chỉnh so với năm học 2008-2009*).

1. Về Khung phân phối chương trình

KPPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó.

Thời lượng quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày, thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu. Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THCS trong cả nước.

Căn cứ KPPCT, các Sở GDĐT cụ thể hoá thành PPCT chi tiết, bao gồm cả dạy học tự chọn cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THCS thuộc quyền quản lí. Các trường THCS có điều kiện bố trí giáo viên (GV) và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức quy định (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể chủ động đề nghị Phòng GDĐT xem xét trình Sở GDĐT phê chuẩn việc điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở GDĐT phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

2. Về phân phối chương trình dạy học tự chọn

a) Thời lượng và cách tổ chức dạy học tự chọn:

Thời lượng dạy học tự chọn của các lớp cấp THCS trong Kế hoạch giáo dục là 2 tiết/tuần, dạy học chung cho cả lớp (các trường tự chủ về kinh phí có thể chia lớp thành nhóm nhỏ hơn nhưng vẫn phải đủ thời lượng quy định).

Việc sử dụng thời lượng dạy học tự chọn THCS theo 1 trong 2 cách sau đây:

Cách 1: Chọn 1 trong 3 môn học, hoạt động giáo dục : Tin học, Ngoại ngữ 2, Nghề phổ thông (trong đó Ngoại ngữ 2 có thể bố trí vào 2 tiết dạy học tự chọn này hoặc bố trí ngoài thời lượng dạy học 6 buổi/tuần).

Cách 2: Dạy học các chủ đề tự chọn nâng cao, bám sát (CĐNC, CĐBS).

– Dạy học CĐNC là để khai thác sâu hơn kiến thức, kĩ năng của chương trình, bổ sung kiến thức, bồi dưỡng năng lực tư duy nhưng phải phù hợp với trình độ tiếp thu của học sinh.

Các Sở GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu CĐNC (*trong đó có các tài liệu Lịch sử, Địa lí, Văn học địa phương*), dùng cho cấp THCS theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (tài liệu CĐNC sử dụng cho cả GV và HS) và quy định cụ thể PPCT dạy học các CĐNC cho phù hợp với mạch kiến thức của môn học đó. Các Phòng GDĐT đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện PPCT dạy học các CĐNC.

– Dạy học các CĐBS là để *ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng* (không bổ sung kiến thức nâng cao mới). Trong điều kiện chưa ban hành được tài liệu CĐNC, cần dành thời lượng dạy học tự chọn để thực hiện CĐBS nhằm ôn tập, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức, kĩ năng cho HS.

Hiệu trưởng các trường THCS chủ động lập Kế hoạch dạy học các CĐBS (chọn môn học, ấn định số tiết/tuần cho từng môn, tên bài dạy) cho từng lớp, ổn định trong từng học kì trên cơ sở đề

nghị của các tổ trưởng chuyên môn và GV chủ nhiệm lớp. GV chuẩn bị kế hoạch bài dạy (giáo án) CDBS với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn.

b) Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tự chọn:

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập CĐTC của môn học thực hiện theo quy định tại *Quy chế đánh giá, xếp loại HS trung học cơ sở và HS trung học phổ thông*.

Lưu ý: Các bài dạy CĐTCNC, CDBS bố trí trong các chương như các bài khác, có thể có điểm kiểm tra dưới 1 tiết riêng nhưng không có điểm kiểm tra 1 tiết riêng, điểm CĐTC môn học nào tính cho môn học đó.

3. Thực hiện các hoạt động giáo dục

a) Phân công GV thực hiện các Hoạt động giáo dục:

Trong KHGD quy định tại CTGDPT do Bộ GDĐT ban hành, các *hoạt động giáo dục* đã được quy định thời lượng với số tiết học cụ thể như các môn học. Đối với GV được phân công thực hiện Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL), Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) được tính giờ dạy như các môn học; việc tham gia điều hành *HĐGD tập thể* (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban Giám hiệu và GV chủ nhiệm lớp, không tính vào giờ dạy tiêu chuẩn.

b) Tích hợp HĐGDNGLL, HĐGDHN, môn Công nghệ:

- HĐGDNGLL: Thực hiện đủ các chủ đề quy định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng và tích hợp nội dung HĐGDNGLL sang môn GDCD các lớp 6, 7, 8, 9 ở các chủ đề về đạo đức và pháp luật. Đưa nội dung về Công ước Quyền trẻ em của Liên Hợp quốc vào HĐGDNGLL ở lớp 9 và tổ chức các hoạt động hưởng ứng phong trào "*Xây dựng trường học thân thiện, HS tích cực*" do Bộ GDĐT phát động.

- HĐGDHN (lớp 9):

Điều chỉnh thời lượng HĐGDHN thành 9 tiết/năm học sau khi đưa một số nội dung GDHN tích hợp sang HĐGDNGLL ở 2 *chủ điểm* sau đây:

+ "*Truyền thống nhà trường*", chủ điểm tháng 9;

+ "*Tiến bước lên Đoàn*", chủ điểm tháng 3.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT (hoặc uỷ quyền cho các Phòng GDĐT) hướng dẫn trường THCS thực hiện cho sát thực tiễn địa phương.

Nội dung tích hợp do Sở GDĐT hướng dẫn GV thực hiện cho sát thực tiễn địa phương. Cần hướng dẫn HS lựa chọn con đường học lên sau THCS (THPT, TCCN, học nghề) hoặc đi vào cuộc sống lao động. Về phương pháp tổ chức thực hiện HĐGDHN, có thể riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; có thể giao cho GV hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

4. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá

a) Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:

+ Bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình (căn cứ chuẩn của chương trình cấp THCS và đối chiếu với hướng dẫn thực hiện của Bộ GDĐT);

+ Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của HS và vai trò chủ đạo của GV;

+ Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của GV và HS, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Sử dụng hợp lý SGK khi giảng bài trên lớp, tránh tình trạng yêu cầu HS ghi chép quá nhiều theo lối đọc - chép;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ GV sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên HS học tập, tổ chức hợp lý cho HS làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng HS khá giỏi và giúp đỡ HS học lực yếu kém.

- Đối với các môn học đòi hỏi năng khiếu như: Mỹ thuật, Âm nhạc, Thể dục cần coi trọng truyền thụ kiến thức, hình thành kỹ năng, bồi dưỡng hứng thú học tập, không quá thiên về đánh giá thành tích theo yêu cầu đào tạo chuyên ngành họa sỹ, nhạc sỹ, vận động viên.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng GV và dự giờ thăm lớp của GV, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi GV giỏi các cấp.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ GV đánh giá sát đúng trình độ HS với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn HS biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của HS, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại HS THCS, HS THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lý thuyết và thực hành.

- Đổi mới đánh giá các môn Mỹ thuật, Âm nhạc (THCS), Thể dục (THCS, THPT): Thực hiện đánh giá bằng điểm hoặc đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập theo quy định tại Quy chế Đánh giá, xếp loại HS THCS, HS THPT sửa đổi.

c) Đối với một số môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, cần coi trọng đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kỹ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi HS phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

d) Từ năm học 2009-2010, tập trung chỉ đạo đổi mới KTĐG thúc đẩy đổi mới PPDH các môn học và hoạt động giáo dục, khắc phục tình trạng dạy học theo lối đọc-chép.

5. Thực hiện các nội dung giáo dục địa phương (như hướng dẫn tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008)

II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA MÔN HỌC

1. Kế hoạch dạy học

- Trong mỗi năm học, cấp Trung học cơ sở học 37 tuần/năm thực học.
- Môn MŨ thuết cả năm học có 35 tiết (riêng ở lớp 9 học trong 1 học kì là 18 tiết). Thời gian 2 tuần còn lại (đối với lớp 6, 7, 8) và 1 tuần (đối với lớp 9) không bố trí tiết dạy.
- Căn cứ vào điều kiện thực tế của từng địa phương, khả năng tiếp thu của học sinh trong từng vùng miền khác nhau, GV có thể tự điều chỉnh nội dung các bài học và các bài kiểm tra cho phù hợp (trên cơ sở bám sát chuẩn kiến thức, kĩ năng).
- Ở lớp 9, theo chương trình quy định, môn MŨ thuết chỉ học 1 học kì. Việc dạy và kết thúc môn học trong học kì I hoặc học kì II là do các Sở GDĐT quyết định (phải phù hợp với điều kiện thực tế của từng trường). Do ở lớp 9 chỉ học 1 học kì nên kết quả đánh giá, xếp loại học kì của môn học cũng chính là kết quả, đánh giá xếp loại của cả năm học.

2. Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá

a) Đổi mới phương pháp dạy học:

Chương trình Giáo dục phổ thông quy định: “MŨ thuết là một môn văn hóa bắt buộc. Tất cả học sinh đều được học để có một trình độ văn hóa MŨ thuết phổ thông trong nền học vấn chung ở Tiểu học và Trung học cơ sở”.

Dạy học môn MŨ thuết ở giáo dục phổ thông là dạy cho tất cả học sinh với mục tiêu gì, o dộc thêm mŨ, chưa đặt ra mục tiêu đào tạo ho^t sŭ hoặc ng-êi lụm mŨ thuết chuy^{ên} nghi^{ệp}. Cùng với c, c môn học khác, môn MŨ thuết góp phần hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn, lâu dài về mặt thẩm mĩ, trang b^ị một số kiến thức mŨ thuết cơ bản, cần thiết, mang tính phổ thông với mục tiêu giáo dục toàn diện, đồng thời phát hiện những học sinh có năng khiếu, tạo điều kiện cho c, c em phát triển.

GV cần kết hợp một cách linh ho^t, sáng tạo các phương pháp dạy học cùng với việc sử dụng trang thiết bị dạy học đảm bảo vừa đạt mục tiêu dạy học vừa phù hợp với đối tượng và điều kiện của từng trường.

Tăng cường rèn luyện thực hành mŨ thuết theo c, c hình thức kh, c nhau nh-: hăc nhóm, cá nhân, hăc tr^{ên} lớp v^à trong thực t^{hực}... Đặc biệt chú trọng yêu cầu bồi dưỡng kiến thức, kĩ năng, hình thành năng lực cảm thụ ngh^ệ thuết, *giáo dục t^{âm}nh c^{ảm} h^{ọc}ng thó th^{êm} mŨ, thái độ tích cực, tinh thần chủ động, sáng tạo, ý thức cố gắng vươn lên* trong học tập cho học sinh.

Ngoài học tập trên lớp, GV cần tổ chức cho học sinh học tập, thực hành ở ngoài lớp hăc, tham quan, tìm hiểu các công trình văn hóa của địa phương, c, c ngh^ệ nh^ưn, c, c c^ơ sẽ s^ẽ s^ẽ xu^{ất} th^{ân} c^ơng, mŨ ngh^ệ truyền thống (tranh s^ơng Hả, g^{em} s^ơ, m^ơy tre, d^ờt, th^u @an...) Khuyến khích, động viên học sinh tự tin, tích cực, chủ động tham gia các hoạt động văn hóa ở trong và ngoài nhà trường.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá:

- Trong một học kì kiểm tra 4 lần bao gồm: kiểm tra miệng, kiểm tra 15 phút, kiểm tra 1 tiết và kiểm tra học kì.

- Kiểm tra kết quả học tập của học sinh chủ yếu dựa trên cơ sở thực hành mŨ thuết (v^ẽ theo m^{ẫu}, v^ẽ trang tr^ở, v^ẽ tranh, th-êng th^{ực} mŨ thuết). Hạn chế chỉ dùng hình thức kiểm tra viết, trả lời câu hỏi theo nội dung của s^{ách} trong s, ch gì, o khoa.

- Không nên kiểm tra lí thuyết chỉ với yêu cầu học thuộc, có thể kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm, ra đề kiểm tra cho cả lớp, theo nhóm hoặc cá nhân... kết hợp kiểm tra kiến thức cũ tr-íc khi thực hành p^h động hoặc trong khi học bài mới.

- Hoạt động kiểm tra cần linh hoạt. GV phải căn cứ vào khả năng học tập của học sinh, điều kiện cụ thể ở từng trường, lớp và địa phương @ó cả các hình thức kiểm tra phù hợp có hiệu quả. C^ơn k^{ết} h^{ợp} @, nh gì, k^{ết} qu^ả hăc t^ếp, trong đó có mức độ thể hiện t^{âm}nh c^{ảm} th^{êm} mŨ, thái độ tích cực, tinh thần chủ động, sáng tạo, ý thức cố gắng vươn lên trong học tập của học sinh.

- Cần lưu ý rằng, điểm cao không chỉ dành cho những học sinh c^ơng khi^{ều} mà cả đối với những hăc sinh chưa thể hiện n^{ăng} khi^{ều} @êc bi^{ết}, n^{ăm} @-íc ki^{ến} th^{ực}, k^ĩ n^{ăng} v^à cả ý t-êng

s,ng t^o nh-ng k^u thu^Êt th^Ó hi^Ön c^ßn h^àn ch^Ö. V^ói nh^ững h^àc sinh b^ui v^ĩ kh[«]ng gi^êng m^êu, h^xnh v^ĩ ch-a chu^Ên, m^uu s³4c ch-a ®^Ñp nh^ững n^ăm v^ũng ki^ên th^ức, k^ĩ n^ăng, h^úng th^ú, t^ự gi^ác, t^íc h^úc h^óc t^ập th^ì v^ẫn đ^ánh gi^á nh^ận x^ét ho^àc cho đⁱể m^ứng b^ìn h^oc tr^ên tr^ung b^ìn h^oc.

- GV cần căn cứ *Tài liệu Hướng dẫn chuẩn kiến thức kĩ năng m[«]n M^U thu^Êt THCS*, căn cứ mục tiêu, định hướng đổi mới dạy học của bộ môn để đưa ra những tiêu chí, nội dung kiểm tra và đánh giá cho phù hợp.

- Căn cứ Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông, Giám đốc Sở GDĐT quyết định áp dụng một trong hai hình thức đánh giá: *đánh giá bằng cho điểm* hoặc *đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập* của học sinh, mỗi Phòng GDĐT áp dụng thống nhất 1 trong 2 hình thức đánh giá nói trên.

c) *Tiêu chí xếp loại của một bài kiểm tra theo hình thức nhận xét kết quả học tập của học sinh:*

- Bài kiểm tra của học sinh được đánh giá bằng nhận xét và xếp thành 5 loại:

+ Loại giỏi (G): Thực hiện tốt yêu cầu của bài kiểm tra, đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng, tích cực hứng thú tham gia học tập.

+ Loại khá (K): Thực hiện khá tốt yêu cầu của bài kiểm tra, đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng, tích cực hứng thú tham gia học tập.

+ Loại trung bình (Tb): Đạt yêu cầu của bài kiểm tra nhưng còn có sai sót về kiến thức hoặc kĩ năng, có cố gắng nhưng chưa tích cực.

+ Loại yếu (Y): Chưa đạt yêu cầu của bài kiểm tra, còn có sai sót về kiến thức và kĩ năng, chưa tích cực học tập.

+ Loại kém (kém): Không đạt yêu cầu của bài kiểm tra, không đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng, chưa tự giác cố gắng trong học tập.

- Nếu đánh giá bằng nhận xét thì không cho điểm các bài kiểm tra, không tính điểm trung bình môn học và không tham gia tính điểm trung bình các môn học nhưng vẫn tham gia xếp loại học lực mỗi học kì và cả năm học.

- Học lực của HS (ở cả 2 hình thức: cho điểm và nhận xét kết quả học tập) được xếp thành 5 loại: loại giỏi (G), loại khá (K), Loại trung bình (Tb), loại yếu (Y) và loại kém (kém).

d) *Tiêu chí xếp loại học lực:*

- Việc xếp loại học lực của HS ở hình thức cho điểm căn cứ theo Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, THPT.

- Việc xếp loại học lực của HS ở hình thức đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập do GV bộ môn căn cứ vào kết quả các bài kiểm tra, trong đó có *mức độ thể hiện t^xnh c[¶]m h^úng th^ú, thái độ tích cực, tinh thần chủ động, sáng tạo, sự cố gắng vươn lên trong học tập* để xếp loại học lực từng học kỳ và cả năm học.

B. KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

(Phân các tiết học để tham khảo)

LỚP 6

Cả năm: 37 tuần (35 tiết)

Học kỳ I: 19 tuần (18 tiết)

Học kỳ II: 18 tuần (17 tiết)

HỌC KỲ I

Tiết 1: Về trang trí - Chép hoạ tiết trang trí dân tộc

Tiết 2: Thường thức Mĩ thuật - Sơ lược về mĩ thuật Việt Nam thời kỳ cổ đại

Tiết 3: Vẽ theo mẫu - Sơ lược về phối cảnh
Tiết 4: Vẽ theo mẫu - Cách vẽ theo mẫu
Tiết 5: Vẽ tranh - Cách vẽ tranh đề tài
Tiết 6: Vẽ trang trí - Cách sắp xếp (bố cục) trong trang trí
Tiết 7: Vẽ theo mẫu - Mẫu có dạng hình hộp và hình cầu (vẽ hình)
Tiết 8: Thường thức Mỹ thuật - Sơ lược về Mỹ thuật Thời Lý (1010 -1225)
Tiết 9 : Vẽ tranh - Đề tài *Học tập*
Tiết 10: Vẽ trang trí - Màu sắc
Tiết 11: Vẽ trang trí - Màu sắc trong trang trí
Tiết 12: Thường thức Mỹ thuật - Một số công trình tiêu biểu của Mỹ thuật Thời Lý
Tiết 13: Vẽ tranh - Đề tài *Bộ đội*
Tiết 14: Vẽ trang trí - Trang trí đường diềm(kiểm tra 1 tiết)
Tiết 15: Vẽ theo mẫu - Mẫu dạng hình trụ và hình cầu (Tiết 1-vẽ hình)
Tiết 16: Vẽ theo mẫu - Mẫu dạng hình trụ và hình cầu (Tiết 2-vẽ đậm nhạt)
Tiết 17: Kiểm tra học kì I: Vẽ tranh - Đề tài tự do
Tiết 18: Vẽ trang trí - Trang trí hình vuông

HỌC KỲ II

Tiết 19: Thường thức mỹ thuật - Tranh dân gian Việt nam
Tiết 20: Vẽ theo mẫu - Mẫu có hai đồ vật (tiết 1-vẽ hình)
Tiết 21: Vẽ theo mẫu - Mẫu có hai đồ vật (tiết 2-vẽ đậm nhạt)
Tiết 22: Vẽ tranh - Đề tài *Ngày tết và mùa xuân*
Tiết 23: Vẽ trang trí - Kẻ chữ in hoa nét đều
Tiết 24: Thường thức mỹ thuật - Giới thiệu một số tranh dân gian Việt Nam
Tiết 25: Vẽ tranh - Đề tài *Mẹ của em* (kiểm tra 1 tiết)
Tiết 26: Vẽ trang trí - Kẻ chữ in hoa nét thanh nét đậm
Tiết 27: Vẽ theo mẫu - Mẫu có hai đồ vật (Tiết 1- Vẽ hình)
Tiết 28: Vẽ theo mẫu - Mẫu có hai đồ vật (Tiết 2- Vẽ đậm nhạt)
Tiết 29: Thường thức mỹ thuật - Sơ lược về mỹ thuật thế giới thời kỳ cổ đại
Tiết 30: Vẽ tranh - Đề tài *Thể thao, văn nghệ*
Tiết 31: Vẽ trang trí - Trang trí chiếc khăn để đặt lọ hoa
Tiết 32: *Thường thức mỹ thuật - Một số công trình tiêu biểu của mỹ thuật Ai Cập, Hi Lạp, La Mã thời kỳ cổ đại*
Tiết 33-34: Kiểm tra học kì II - Đề tài *Quê hương em*
Tiết 35: Trưng bày kết quả học tập trong năm học.

LỚP 7

Cả năm : 37 tuần (35 tiết)
Học kỳ I : 19 tuần (18 tiết)
Học kỳ II : 18 tuần (17 tiết)

HỌC KỲ I

Tiết 1: Thường thức Mỹ thuật- Sơ lược về Mỹ thuật thời Trần (1226 - 1400)
Tiết 2: Vẽ theo mẫu - Vẽ quả (trái) và cốc
Tiết 3: Vẽ trang trí - Tạo hoạ tiết trang trí
Tiết 4: Vẽ tranh - Đề tài *Tranh Phong cảnh*
Tiết 5: Vẽ trang trí -Tạo dáng trang trí lọ hoa
Tiết 6: Vẽ theo mẫu - Lọ hoa và quả (vẽ hình)

Tiết 7: Vẽ theo mẫu - Lọ hoa và quả (vẽ màu)
Tiết 8: Thường thức mỹ thuật - Một số công trình mỹ thuật thời Trần (1226- 1400)
Tiết 9: Vẽ trang trí - Trang trí đồ vật có dạng hình chữ nhật (Kiểm tra 1 tiết)
Tiết 10: Vẽ tranh - Đề tài *Cuộc sống xung quanh em*
Tiết 11: Vẽ theo mẫu - Lọ hoa và quả (vẽ bằng bút chì)
Tiết 12: Vẽ theo mẫu - Lọ hoa và quả (vẽ màu)
Tiết 13: Vẽ trang trí - Chữ trang trí
Tiết 14: Thường thức mỹ thuật - Mỹ thuật Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến năm 1954
Tiết 15-16: Kiểm tra học kỳ I : Vẽ tranh - Đề tài tự chọn
Tiết 17: Vẽ trang trí - Trang trí bìa lịch treo tường
Tiết 18: Vẽ theo mẫu - Ký họa

HỌC KỲ II

Tiết 19: Vẽ theo mẫu -Vẽ ký họa ngoài trời
Tiết 20: Vẽ tranh - Đề tài *Giữ gìn vệ sinh môi trường*
Tiết 21: Thường thức mỹ thuật - Một số tác giả tác và tác phẩm tiêu biểu của mỹ thuật Việt Nam từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1954
Tiết 22: Vẽ trang trí - Trang trí đĩa hình tròn
Tiết 23: Vẽ theo mẫu - Cái ấm và cái bát (vẽ hình)
Tiết 24: Vẽ theo mẫu - Cái ấm và cái bát (vẽ đậm nhạt)
Tiết 25: Vẽ tranh Đề tài - *Trò chơi dân gian* (Kiểm tra 1 tiết)
Tiết 26: Thường thức mỹ thuật- Một vài nét về mỹ thuật Ý thời kỳ Phục hưng
Tiết 27: Vẽ tranh - Đề tài *Cảnh đẹp đất nước*
Tiết 28: Vẽ trang trí -Trang trí đầu báo tường
Tiết 29: Vẽ tranh - Đề tài *An toàn giao thông*
Tiết 30: Thường thức mỹ thuật - Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của mỹ thuật Ý thời kỳ Phục hưng
Tiết 31: Vẽ tranh - Đề tài *Hoạt động trong những ngày hè*
Tiết 32: Kiểm tra học kì II - *Vẽ trang trí - Trang trí tự do*
Tiết 33-34: Vẽ tranh - Đề tài *Tự do*
Tiết 35: Trưng bày kết quả học tập

LỚP 8

Cả năm : 37 tuần (35 tiết)
Học kỳ I : 19 tuần (18 tiết)
Học kỳ II : 18 tuần (17 tiết)

HỌC KỲ I

Tiết 1: Vẽ trang trí - Trang trí quạt giấy
Tiết 2: Thường thức mỹ thuật - Sơ lược về mỹ thuật thời Lê (từ thế kỉ XV đến đầu thế kỉ XVIII)
Tiết 3: Vẽ tranh - Đề tài *Phong cảnh mùa hè*
Tiết 4: Vẽ trang trí - Tạo dáng và trang trí chậu cảnh
Tiết 5: Thường thức mỹ thuật - Một số công trình tiêu biểu của mỹ thuật thời Lê
Tiết 6: Vẽ trang trí - Trình bày khẩu hiệu
Tiết 7: Vẽ theo mẫu – Vẽ Tĩnh vật lọ và quả (Vẽ hình)
Tiết 8: Vẽ theo mẫu – Vẽ Tĩnh vật (Vẽ màu)
Tiết 9: Vẽ tranh - Đề tài *Ngày nhà giáo Việt Nam* (Kiểm tra 1 tiết)
Tiết 10: Thường thức mỹ thuật - Sơ lược về mỹ thuật Việt Nam giai đoạn từ 1954-1975

- Tiết 11:** Vẽ trang trí - Trình bày bìa sách
Tiết 12: Vẽ tranh - Đề tài *Gia đình*
Tiết 13: Vẽ theo mẫu - Giới thiệu tỉ lệ khuôn mặt người
Bài tham khảo: Tập vẽ các trạng thái tình cảm thể hiện trên nét mặt
Tiết 14: Thường thức mỹ thuật - Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của mỹ thuật Việt Nam giai đoạn 1954 - 1975
Tiết 15: Vẽ trang trí - Tạo dáng và trang trí mặt nạ
Tiết 16-17: Vẽ tranh - Đề tài *Tự do* (Kiểm tra học kì 1, 2 tiết)
Tiết 18: Vẽ theo mẫu - Vẽ chân dung

HỌC KỲ II

- Tiết 19:** Vẽ theo mẫu - Vẽ chân dung bạn
Tiết 20: Thường thức mỹ thuật - Sơ lược về mỹ thuật hiện đại phương Tây cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX
Tiết 21: Vẽ tranh - Đề tài *Lao động*
Tiết 22-23: Vẽ trang trí - Vẽ tranh cô động (2 tiết)
Tiết 24: Vẽ tranh - Đề tài *Ước mơ của em*
Tiết 25: Vẽ trang trí - Trang trí lều trại (Kiểm tra 1 tiết)
Tiết 26: Vẽ theo mẫu - Giới thiệu tỉ lệ người
Tiết 27: Vẽ theo mẫu - Tập vẽ dáng người
Tiết 28: Vẽ tranh - Minh họa truyện cổ tích
Tiết 29: Thường thức mỹ thuật- Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của trường phái hội họa ấn tượng
Tiết 30: Vẽ theo mẫu - Vẽ tĩnh vật lọ hoa và quả (Vẽ màu)
Tiết 31: Vẽ theo mẫu - Xé dán giấy lọ hoa và quả
Tiết 32: *Vẽ trang trí- Trang trí đồ vật dạng hình vuông, hình chữ nhật*
Tiết 33-34: *Kiểm tra học kì II: Vẽ tranh - Đề tài tự chọn (2 tiết)*
Tiết 35: Trưng bày kết quả học tập

LỚP 9

Cả năm: 37tuần (18 tiết)
Học kỳ I: 19 tuần (18 tiết)
 (chỉ học trong học kỳ I)

- Tiết 1:** Thường thức mỹ thuật - Sơ lược về mỹ thuật thời Nguyễn (1802-1945)
Tiết 2: Vẽ theo mẫu: Tĩnh vật lọ, hoa và quả (Vẽ hình)
Tiết 3: Vẽ theo mẫu: Tĩnh vật lọ, hoa và quả (Vẽ màu)
Tiết 4: Vẽ trang trí -Tạo dáng và trang trí túi sách
Tiết 5: Vẽ tranh - Đề tài *Phong cảnh quê hương*
Tiết 6: Thường thức mỹ thuật – Chạm khắc gỗ đình làng Việt Nam
Tiết 7: Vẽ theo mẫu -Vẽ tượng chân dung (Tượng thạch cao - Vẽ hình)
Tiết 8: Vẽ theo mẫu - Vẽ tượng chân dung (Tượng thạch cao- Vẽ đậm nhạt)
Tiết 9: Vẽ trang trí – Tập phóng tranh, ảnh
Tiết 10: Vẽ tranh - Đề tài *Lễ hội* (kiểm tra 1 tiết)
Tiết 11: Vẽ trang trí – Trang trí hội trường
Tiết 12: Thường thức mỹ thuật - Sơ lược về mỹ thuật các dân tộc ít người Việt Nam
Tiết 13: Vẽ theo mẫu – Tập vẽ dáng người
Tiết 14: Vẽ tranh - Đề tài *lực lượng vũ trang*

Tiết 15: Vẽ trang trí - Tạo dáng và trang trí thời trang

Tiết 16: Thường thức Mĩ thuật - Sơ lược về một số nền mĩ thuật châu Á

Tiết 17: Vẽ trang trí - Vẽ biểu trưng

Tiết 18: Kiểm tra học kì: Vẽ tranh - *Đề tài tự chọn*
